TÒA ÁN ND KHU VỰC 7 **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/DS-ST.
Ngày: 26/8/2025 .
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HÓA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tâm và ông Phạm Ngọc Dung.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ L1 Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hoá, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 06/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989.

Số căn cước CD: 038189008427; Nơi cấp: Cục CSQLHC về trật tự và xã hội, cấp ngày 17/4/2023.

Địa chỉ: Thôn 1, xã V L, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trương Thị L1, sinh năm 1987

Số căn cước CD: 038187000933; Nơi cấp: Cục CSQLHC về trật tự và xã hội, cấp ngày 19/8/2021.

Địa chỉ: Thôn 1, xã VL, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Trong tháng 5/2022 chị Trương Thị L1 có vay chị Nguyễn Thị L 03 lần tiền, cụ thể như sau: Lần 1: Ngày 09/5/2022 vay số tiền là 70.000.000 đồng. Lãi suất do hai bên thỏa thuận không vượt quá lãi suất của ngân hàng. Thời hạn trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/10/2022; Lần 2: Ngày 09/5/2022 vay số tiền là 90.000.000 đồng; Lãi suất do hai bên thỏa thuận không

vượt quá lãi suất của ngân hàng. Thời hạn trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 15/10/2022; Lần 3: Ngày 22/5/2022 vay số tiền là 285.000.000 đồng; Lãi suất do hai bên thỏa thuận không vượt quá lãi suất của ngân hàng. Thời hạn trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 02/12/2022. Tổng cộng số tiền gốc chị L1 vay chị L là 445.000.000đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Quá trình vay nợ, chị L1 không trả nợ tiền gốc và tiền lãi như đã thỏa thuận cho chị L. Chị L đòi nợ nhiều lần nhưng chị L1 không trả. Tính từ khi vay đến nay chị L1 mới trả cho chị L được một phần tiền lãi, chưa trả được đồng tiền gốc nào.

Chị L yêu cầu Tòa án buộc chị L1 trả cho chị L số tiền gốc là 445.000.000đồng và số tiền lãi phát sinh cho cả 03 khoản vay tính từ ngày 01/01/2023 với mức lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị L đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, chị L không yêu cầu chị L1 trả số tiền lãi qua hạn cho cả 03 khoản vay. Nay chị L yêu cầu chị L1 trả số tiền nợ gốc là 445.000.000đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Tại bản tự khai ngày 04/7/2025 bị đơn là chị Trương Thị L1 trình bày: Lần thứ nhất: Vào ngày 22/5/2021 chị Trương Thị L1 có vay chị Nguyễn Thị L số tiền là 285.000.000đồng. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 22.500.000đồng/tháng. Sau đó do làm ăn được và trả lãi đầy đủ nên vào ngày 09/5/2022, chị Nguyễn Thị L tiếp tục cho chị Trương Thị L1 vay số tiền là 90.000.000đồng. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 7.000.000đồng/tháng. Tiếp đến lần thứ 3 chị L đưa cho, chị Trương Thị L1 vay số tiền là 70.000.000đồng. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 5.250.000đồng/tháng. Chị L1 đã trả lãi đầy đủ cho chị L cho đến khi chị L1 làm ăn thua lỗ không có khả năng trả nợ đúng như thỏa thuận nên chị L1 đã xin chị L cho chị L1 trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng nhưng chị L không đồng ý. Vì vậy kể từ khi chị L khởi kiện chị L1 ra Tòa án từ tháng 01/2025 thì chị L1 không trả thêm cho chị L khoản nào nữa. Tiền lãi chị L1 trả cho chị L hàng tháng bằng hình thức chuyển khoản và trả tiền mặt. Có lần trả thiếu thì chị L lấy hàng tiêu dùng nhà chị L1 bán để trừ nợ nên trong quá trình vay cho đến tháng 01/2025 chị L1 đã trả tiền lãi cho chị L đầy đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu chị Trương Thị L1 trả số tiền vay là 445.000.000đồng. Chị L1 có hộ khẩu thường trú tại xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật nhưng đến nay chị L1 vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị L yêu cầu chị Trương Thị L1 trả nợ số tiền gốc 445.000.000đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là 03 giấy cho vay tiền thấy rằng: Lần 1: Ngày 09/5/2022 chị Trương Thị L1 vay chị Nguyễn Thị L số tiền là 70.000.000 đồng.Thời hạn trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/10/2022; Lần 2: Ngày 09/5/2022 chị Trương Thị L1 vay chị Nguyễn Thị L số tiền là 90.000.000 đồng; Thời hạn trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 15/10/2022; Lần 3: Ngày 22/5/2022 chị Trương Thị L1 vay chị Nguyễn Thị L số tiền là 285.000.000 đồng; Thời hạn trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 02/12/2022. Cả 3 lần vay đều thống nhất mức lãi suất do hai bên thỏa thuận không vượt quá lãi suất của ngân hàng. Tổng cộng là 445.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Do chị L1 không trả nợ gốc và lãi cho chị L nên chị L yêu cầu chị L1 trả cho chị L số tiền gốc là 445.000.000đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Chị L1 cũng thừa nhận có vay chị L 03 lần tiền, tổng cộng số tiền là 445.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng) và chị L1 đã thanh toán tiền lãi cho chị L từ khi vay cho đến tháng 01/2025.

Như vậy, đủ căn cứ xác định: Chị L cho chị L1 vay số tiền gốc là 445.000.000 đồng(Bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Quá trình vay nợ, chị L1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết, chưa trả cho chị L được đồng tiền gốc nào. Vì vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, buộc chị L1 có trách nhiệm trả nợ cho chị L số tiền gốc 445.000.000đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng) là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 466 Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu về trả tiền lãi: Tại phiên tòa chị L đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chị L1 phải trả số tiền lãi quá hạn. Đây là sự tự nguyện của chị L, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị L về tiền lãi quá hạn là phù hợp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị L được chấp nhận toàn bộ nên chị L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ. Trả lại cho chị L số tiền tạm ứng án phí DSST là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68; Khoản 4 Điều 147; điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 463; Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 357 của Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L1 phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị L về việc buộc chị Trương Thị L1 trả tiền lãi quá hạn số tiền nợ gốc 445.000.000 đồng.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

3. Buộc chị Trương Thị L1 có trách nhiệm trả nợ cho chị Nguyễn Thị L số tiền gốc là 445.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án không thi hành đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí: Chị Trương Thị L1 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước là 21.800.000đồng (Hai mươi mốt triệu tám trăm nghìn đồng).

Trả lại cho chị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.900.000 đồng (Mười triệu chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006240 ngày 03/4/2025 của phòng Thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi hành án Dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 7- Thanh Hóa
-TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Tuyết